TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-PT
Ngày 18-7- 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà*:**

Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 20/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số04/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao T, tỉnh NĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2022/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị M; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ.

- *Bị đơn*:

1. Ông Hoàng Khắc L; sinh năm 1963;

2. Bà Cao Thị T; sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hoàng Khắc L:* Bà Cao Thị T;sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ. Theo văn bản uỷ quyền ngày 29 tháng 12 năm 2021.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Cao Thị C; sinh năm 1960; địa chỉ: địa chỉ: Xóm 5 (xóm 2, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Cao Thị C:* Bà Cao Thị M; sinh năm 1957;địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ. Theo văn bản uỷ quyền ngày 17 tháng 12 năm 2021.

2. Bà Hoàng Thị T; sinh 1941; địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ**.**

- *Người đại diện theo uỷ quyền của Bà Hoàng Thị T:* Bà Cao Thị T; địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ), xã Giao T, huyện Giao T, NĐ.Theo văn bản uỷ quyền ngày 09 tháng 3 năm 2022.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Bà Cao Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà M, bà T có mặt. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-9-2021 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là Bà Cao Thị M và là người đại diện theo uỷ quyền của bà Cao Thị C. Bà M trình bày:

Ông ngoại của bà là cụ Hoàng Văn R chết năm 1955 và cụ Vũ Thị H (tên thường gọi là Hoàng Thị R) chết năm 1981, hai cụ R sinh được 6 người con gồm: Ông Hoàng Văn S (chết khi còn nhỏ); ông Hoàng Văn T (chết khi còn nhỏ); bà Hoàng Thị L (chết khi chưa có gia đình); bà Hoàng Thị V đi lấy chồng nhưng không có con sau đó bỏ về ở cùng cụ R chết năm 1983; mẹ bà là Hoàng Thị L và Bà Hoàng Thị T là con út (bà T là mẹ đẻ của bà Cao Thị T).

Năm 1981 cụ H (R) chết; hai năm sau bà Hoàng Thị V cũng chết. Mẹ bà là người chăm sóc cụ H lúc cuối đời, ở và quản lý thửa đất của cụ H. Thửa đất của cụ R (H) để lại khoảng 8,5 miếng. Năm 1987 mẹ bà bán cho bà Cao Thị T và chồng là ông Hoàng Khắc L 2/3 mảnh đất khoảng 6 miếng với giá 4,2 chỉ vàng (9999) còn lại 1/3 mảnh đất để ở.

Năm 2017 chị em bà đã xây dựng lại ngôi nhà khang trang cho mẹ bà ở, hiện là nơi thờ cúng hai cụ R. Trước khi xây, gia đình bà có gọi vợ chồng, bà T nói chuyện hai bên gia đình hòa thuận không ý kiến gì. Năm 2019 mẹ bà mất và dặn lại, giữ ngôi nhà để thờ cúng các cụ. Nay không hiểu vì lý do gì mà ông L, bà T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất của mẹ bà. Bà đề nghị Toà án buộc vợ chồng bà T, ông L phải trả lại cho bà phần diện tích đất của mẹ bà khoảng hơn 100m^2 và xác định bà và bà Cao Thị C có quyền thừa kế thửa đất.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn là bà Cao Thị T và là người đại diện theo uỷ quyền của ông Hoàng Khắc L. Bà T trình bày:

Bà thừa nhận về thành phần gia đình, nguồn gốc đất tranh chấp như nguyên đơn trình bày. Do bà L đi lấy chồng sau đó lại về ở cùng bà ngoại là cụ Hoàng Thị R (H) từ năm 1981, sau khi 2 cụ R chết thì bà L ở và sử dụng đất.

Năm 1987 bà L bán cho vợ chồng bà toàn bộ thổ đất nhưng bà L và bà T (là mẹ bà) đã bàn bạc nhất trí cho vợ chồng bà 2 miếng để vợ chồng bà thờ cúng hai cụ R vì hai cụ không có con trai, còn tính tiền 6 miếng, bà đã trả bà L là 4,2 chỉ vàng 9999. Ngoài ra, trước khi vợ chồng bà mua đất thì bà L đã cắt khoảng ½ miếng đất bà cho gia đình ông Dũng, khoảng năm 2005 bà mới mua lại,việc mua lại đất không có giấy tờ gì. Năm 2007 vợ chồng bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thờ cúng cụ R hiện hai bên thờ riêng.

Nay Bà M khởi kiện đòi lại một phần diện tích đất của vợ chồng bà, bà không nhất trí. Quan điểm của bà đối với phần đất cụ R để lại trừ đi 6 miếng bà và ông L đã mua từ bà L, còn lại bao nhiêu chia làm ba: Bà nhận 1 phần, Bà M và bà Chúc 1 phần, phần còn lại để thờ cúng cụ R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Hoàng Thị T trình bày: Mẹ bà là cụ Hoàng Thị R, mẹ bà sinh được 6 người con nhưng đều mất sớm chỉ còn lại bà và chị gái là Hoàng Thị L. Khi mẹ bà chết có để lại một cái ao và một thửa đất khoảng 8 miếng, mẹ bà chết năm 1981, trước khi chết mẹ bà có gọi ông Hoàng Văn Tô (ông Tô gọi mẹ bà là thím ruột) cho ông Tô lập tự để sau này thờ cúng bố mẹ cùng các anh chị của bà. Khi mẹ bà chết được khoảng một năm thì ông Tô ra chặt cây để nhận đất thì bà L ra chửi rồi cãi nhau, từ đó ông Tô không dính líu gì nữa. Bà L đi lấy chồng sinh được hai người con là Cao Thị M và Cao Thị C; ông Cao Văn Đàm là chồng của bà L bỏ đi lấy vợ hai; bà L cùng hai người con về ở nhờ trên đất của mẹ bà.

Năm 1980 bà L tự bán cho ông Hoàng Văn Thiện khoảng 20m^2 đến năm 1987 kinh tế khó khăn bà L bàn với bà bán cho vợ chồng con gái bà là Cao Thị T và Hoàng Khắc L 6 miếng, số đất còn lại để thờ cúng bố mẹ cùng các anh chị bà mất sớm. Đến năm 2007 Nhà nước làm sổ đỏ, bà đã bàn với bà L thống nhất với nhau, cho vợ chồng con gái bà là Cao Thị T làm sổ đỏ để con gái bà ở đó thờ cúng mọi người.

Năm 2010 vợ chồng con gái bà đã chuộc lại của anh Hoàng Tiến Dũng là con trai của ông Thiện khoảng 20m^2 đất. Đầu năm 2021 vợ chồng con gái bà là Cao Thị T làm lại nhà, thì nhà của bà L ở giữa thổ đất nó vướng, vợ chồng con gái bà muốn tháo dỡ căn nhà của bà L, để xây lại nhà thờ nhưng Bà M và bà Chúc không cho, đã xảy ra tranh chấp. Do tuổi cao bà uỷ quyền cho con gái là Cao Thị T quyết định về đất đai tranh chấp, bà không yêu cầu quyền lợi gì.

Người làm chứng là ông Hoàng Tiến Dũng trình bày: Cách đây nhiều năm lúc bố mẹ ông còn sống có mua của bà L khoảng 30m^2 đất giáp nhà bố mẹ ông, khi bố mẹ ông mất cách đây khoảng 10 năm, ông L và bà T có đặt vấn đề là chuộc lại số đất đó để vuông thổ và đã thoả thuận đưa lại tiền cho ông, hai bên

thống nhất nhưng không thông qua chính quyền địa phương, hiện nay ông cũng không liên quan đến diện tích đất đó nữa.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao T cung cấp văn bản về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp. Không có văn bản thể hiện việc chuyển quyền sử dụng đất.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án:Về các công trình xây dựng trên đất có tranh chấp: Đối với công trình do Bà Cao Thị M xây dựng vào năm 2017 gồm nhà xây gạch bi, mái tôn tổng diện tích 23m^2, mái hiên bằng tôn 5,6m^2, công trình vệ sinh khép kín 3m^2 mái lợp tôn. Cổng nhà Bà M là cổng cũ đi chung trước đây của hai nhà xây dựng năm 1987 rộng 40 x 40 cao 1,6m. Đoạn tường rào phía sau nhà Bà M dài 4,4m cao 1,2m = 5,3m^2.

Đối với công trình do nhà bà Cao Thị T xây dựng: Phần nhà bếp và công trình phụ là 26m^2. Phần sân: Sân đổ bê tông dày 10 phân với diện tích 38m^2, có 1 trụ cổng nằm trên phần đất tranh chấp 50 x 50m^2 cao 2,5m và phần tường rào dài 3,3m cao 1,6m =5,3m^2. Phần tường rào phía sau nhà bà T dài 6,5m x 2m =13m^2. Phần tường rào giáp nhà vệ sinh của nhà Bà M dài 1,3m x 1,6m = 2m^2.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Giao T:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Hoàng Khắc L và bà Cao Thị T, căn cứ theo bản đồ địa chính xã Giao T lập năm 2004. Địa phương hiện chỉ lưu trữ bản đồ địa chính của các năm 1987, 1990 và năm 2004. Quá trình sử dụng đất có sự thay đổi về diện tích. Theo bản đồ lập năm 1987 tờ bản đồ số 2 thửa số 518 diện tích là 270m^2 mang tên ông Bạo do trên bản đồ ghi nhầm là Bạo còn thực tế thửa đất này là của cụ R. Theo bản đồ năm 1990 tờ bản đồ số 6 thửa 222 diện tích là 298m^2 mang tên ông L, theo bản đồ năm 2004 tờ bản đồ số 14 thửa số 262 diện tích là 308m^2 mang tên ông L.

Lý do có sự thay đổi về diện tích đất của hộ ông L có một số nguyên nhân như: Qua các lần đo đạc giữa hai bên và các hộ liền kề xác định mốc giới với nhau có sự thay đổi, hoặc có sai số khi đo đạc. Các tài liệu làm căn cứ về sự thay đổi diện tích đất như trên do lâu ngày nên địa phương không còn lưu trữ.

Về quá trình sử dụng đất: Trên thửa đất tranh chấp có hai căn nhà, nhà của bà L và nhà của vợ chồng ông L. Đối với căn nhà của bà L là nhà cấp 4 xây dựng từ nhiều năm trước do quá cũ đến năm 2017 các con bà L đã sửa lại. Đối với nhà của vợ chồng ông L xây khoảng năm 1988 đến đầu năm 2021 vợ chồng ông L phá ra xây lại mới toàn bộ.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Giao T: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007 cho hộ ông Hoàng Khắc L, bà Cao Thị T là đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao T, tỉnh NĐ đã quyết định.Căn cứ vào các điều

100, 101 và 106 của Luật đất đai; các điều 166, 609, 612, 613, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Thị M;

Xác định diện tích đất 54m^2 cùng 01 nhà cấp 4 tại thửa số 262, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Giao T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 cấp ngày 27- 12- 2007 cho hộ ông Hoàng Khắc L cùng bà Cao Thị T là di sản của cụ Hoàng Thị L.

Xác định Bà Cao Thị M và bà Cao Thị C được quyền hưởng di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị L. Buộc ông Hoàng Khắc L và vợ là bà Cao Thị T trả lại diện tích đất 54m^2 đã nêu cho Bà Cao Thị M và bà Cao Thị C. Bà M và bà Chúc được quyền sử dụng 54m^2 và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất; có tứ cận: cạnh giáp đường giao thông có chiều dài 9.35m; 3 cạnh giáp đất hộ ông L có độ dài lần lượt 6.1m, 8.25m; 4.03m, 1.1m và 2.43m (có sơ đồ kèm theo).Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đăng ký để được cấp, cấp lại và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án.Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo pháp luật và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự.Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/QĐ-SCBSBA ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Giao T đã quyết định. Tại dòng thứ 5 từ dưới lên trên của trang thứ nhất của bản án đã ghi: " Bà Cao Thị C, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 4 (xóm 9, Quyết T cũ)". Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: " Bà Cao Thị C, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 5 (xóm 2, Quyết T cũ)".

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 bà Cao Thị T kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm đòi lại quyền sử dụng đất cho bà, để bà làm nơi thờ cúng ông bà và các bác của bà. Bà xác định diện tích đất còn lại là 36m^2 đề nghị chia đôi mỗi người ½ để làm nơi thờ cúng.

Tại phiên toà phúc thẩm, Bà M giữ nguyên yêu cầu buộc bà T và ông L phải trả lại quyền sử dụng đất cho mẹ bà như bản án sơ thẩm đã quyết định; bà không nhất trí với kháng cáo của bà T.

Bà T giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bàyđề nghịHội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà; buộc Bà M, bà Chúc trả lại diện tích đất đang quản lý, sử dụng để bà làm nơi thờ cúng các cụ.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh NĐ phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về quan hệ pháp luật: Bà M khởi kiện buộc vợ chồng ông L, bà T trả lại cho bà diện tích đất của cụ L để lại khoảng hơn 100m^2, diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông L, bà T nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ; tại phiên toà sơ thẩm, Bà M còn yêu cầu xác định bà và bà Chúc có quyền thừa kế đối với phần đất của cụ L, các đương sự trong vụ án không yêu cầu chia thừa kế nên xác định quan hệ pháp luật là quyền thừa kế tài sản. Về đường lối vụ án: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà Cao Thị T:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất khoảng 100m^2 là di sản do bà Hoàng Thị L chết để lại; hiện thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007 đứng tên hộ ông Hoàng Khắc L, bà Cao Thị T với diện tích 308m^2 tại thửa số 262, tờ bản đồ số 14, bản đồ xã Giao T năm 2004, cấp sơthẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ. Tại phiên toà sơ thẩm Bà M yêu cầu xác định bà, bà Chúc được quyền thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của bà L nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là quyền thừa kế tài sản.

[2] Về nội dung: Cụ Hoàng Văn R và cụ Vũ Thị H (R) sinh được 6 người con gồm: Ông Hoàng Văn Sản, ông Hoàng Văn T đều chết khi còn nhỏ, bà Hoàng Thị L chết chưa có chồng, bà Hoàng Thị V chết năm 1983, Bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị L. Năm 1955 cụ R chết không để lại di chúc; năm 1987 cụ H (cụ R bà) đứng tên trên bản đồ 299 lập năm 1987 với diện tích là 270m^{2}tại thửa 518 tờ bản đồ số 2, nên cấp sơ thẩm xác định 270m^2 đất này là di sản của cụ H (cụ R bà) là có căn cứ.

[3] Năm1955 cụ R chết, bà L cùng các con là Bà M và bà Chúc về ở với cụ H và bà Vẹm (bà Vẹm bị tâm thần); bà T đã đi lấy chồng và ở chỗ khác. Ngày 25 tháng 02 năm 1981 cụ H chết không để lại di chúc; bà L vẫn tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất do cụ H để lại và nuôi dưỡng bà Vẹm bị tâm thần.

[4] Quá trình sử dụng đất từ năm 1981, bà L đã chuyển nhượng 06 miếng đất cho vợ chồng con gái bà T là Cao Thị T, con rể là Hoàng Khắc L;bà T biết nhưng không có ý kiến gì; diện tích đất còn lại khoảng 02 miếng do bà L quản lý sử dụng ổn định từ năm 1981 đến năm 1986 do bão làm đổ căn nhà của cụ H; bà L cùng các con đã xây nhà trên đất của cụ H,cho bà L ở; đến năm 2017 Bà M và bà Chúc đã phá nhà đi xây nhà mới trên móng cũ; bà T biết nhưng không có ý

kiến gì. Năm 2019 bà L chết, các con của bà L là Bà M và bà Chúc tiếp tục quản lý, sử dụng đất; tính đến thời điểm phát sinh tranh chấp vào tháng 2 năm 2021 thì bà L và các con bà L là Bà M, bà Chúc đã trực tiếp quản lý sử dụng khoảng 02 miếng đất công khai liên tục là 40 năm.

[6] Ngày 16 tháng 9 năm 2021 Bà M khởi kiện buộc bà T và ông L trả lại diện tích đất còn lại khoảng 100m^2.Như phân tích trên di sản của cụ H (cụ R) để lại là 270m^2 đất; năm 1987 bà L đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà T, ông L là con gái và con rể bà T 06 miếng đất, nên cấp sơ thẩm xác định diện tích còn lại là 54m^2 và là di sản của cụ L để lại là có căn cứ.Do bà L chết không để lại di chúc nên Bà M, bà Chúc có quyền thừa kế di sản của bà L theo quy định của pháp luật.Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

[7] Đối với diện tích đất liên quan đến việc chuyển nhượng đất giữa bà L với gia đình ông Hoàng Tiến Dũng và việc ông L, bà T nhận chuyển nhượng lại từ ông Hoàng Tiến Dũng; căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, xác định diện tích đất này không nằm trong thửa đất tranh chấp, không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[8] Tại phiên toà phúc thẩm bà T trình bày: Trên 54m^2 đất đang tranh chấp có một đoạn tường bao và sân bê tông của vợ chồng bà đã xây dựng cách đây 20 năm, trường hợp Hội đồng xét xử xác định 54m^2 đất đang tranh chấp thuộc di sản của bà L vàgiao đất cho Bà M, bà Chúc quản lý, sử dụng thì vợ chồng bà không yêu cầu bà Chúc, Bà M phải bồi thường. Như phân tích phần trên, 54m^2 đất là di sản của cụ L; Bà M, bà Chúc được quyền thừa kế, quản lý sử dụng nên Bà M và bà Chúc không phải thanh toán giá trị một đoạn tường bao và sân bê tông trên 54m^2 đất cho vợ chồng bà T, ông L.

[9] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông L, bà T là cấp đại trà có phần đất là di sản của bà L; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP338450 do Uỷ ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007 đứng tên hộ ông L, bà T. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang do vợ chồng ông L, bà T quản lý để bảo đảm thuận lợi cho việc thi hành bản án, Hội đồng xét xử buộc ông L, bà T phải có trách nhiệm nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP338450 do Uỷ ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007 cho Bà M, bà Chúc hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất Đai 2013; Điều 651 Bộ luật dân sự;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Thị M.

Xác định 54m^{2}đất nằm trong thửa số 262, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Giao T năm 2004 có địa chỉ ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là:Xóm 8, HTX Quyết T, xã Giao T, huyện Giao T nay là Xóm 4, xã Giao T, huyện Giao T, NĐ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 ngày 27- 12- 2007 đứng tên hộ ông Hoàng Khắc L và bà Cao Thị T là di sản củabà Hoàng Thị L.

3. Xác định Bà Cao Thị M và bà Cao Thị C được quyền thừa kế di sản của bà Hoàng Thị L là 54m^2 đất nằm trong thửa số 262, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Giao T năm 2004 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 ngày 27- 12- 2007 đứng tên hộ ông Hoàng Khắc L và bà Cao Thị Tcó địa chỉnhư nêu trên.

4. Buộc ông Hoàng Khắc L và bà Cao Thị Tphải trả lại 54m^{2}đất nằm trong thửa số 262, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Giao T năm 2004 có địa chỉghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là:Xóm 8, HTX Quyết T, xã Giao T, huyện Giao T nay là Xóm 4, xã Giao T, huyện Giao T, NĐđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 ngày 27- 12- 2007 đứng tên hộ ông Hoàng Khắc L và bà Cao Thị T cho Bà Cao Thị M và bà Cao Thị C.

5. Bà Cao Thị M và bà Cao Thị C được quyền sử dụng 54m^{2}đất nằm trong thửa số 262, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Giao T năm 2004 có địa chỉ ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là:Xóm 8, HTX Quyết T, xã Giao T, huyện Giao T nay là Xóm 4, xã Giao T, huyện Giao T, NĐđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 ngày 27- 12- 2007 đứng tên hộ ông Hoàng Khắc L, bà Cao Thị Tvà sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên 54m^{2}đất.

Có vị trí: Phía Bắc giáp đường giao thông được nối từ điểm I đến điểm VI dài 9.35m; phía Đông giáp đất bà T, ông L nối từ điểm VI đến điểm V dài 6,1m; phía Nam giáp đất bà T, ông L nối từ điểm V đến điểm IV dài 8,25m; phía Tây giáp đất bà T, ông L gồm 3 đoạn nối từ điểm IV đến điểm III dài 4,03m, nối từ điểm III đến điểm II dài 1,1m và nối từ điểm II đến điểm I dài 2,43m. Có sơ đồ kèm theo.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

6. Buộc bà T và ông L phải có trách nhiệm nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 338450 do Uỷ ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007 đứng tênhộ ông Hoàng Khắc L và bà Cao Thị Tcho Bà M, bà Chúc hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải nộp là 300.000đồng nhưng được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng tại biên lai số 0000138 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao T. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND huyện Giao T;
- Chi cục THADS huyện Giao T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu